

	học chuyên ngành sư phạm Lịch sử và Địa lí	nghiên cứu; cấu trúc và quy trình tiến hành một đề tài nghiên cứu khoa học chuyên ngành.
44	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1 là học phần thực hành rèn luyện các kỹ năng: thuyết trình; trình bày bảng và tổ chức các hoạt động dạy học, thiết kế kế hoạch dạy học với sự phối hợp của các lực lượng giáo dục khác nha. Thông qua học phần này, SV bước đầu hình thành được năng lực dạy học cơ bản đặc biệt là năng lực sử dụng ngôn ngữ, bước đầu có những hiểu biết về công việc của người giáo viên, về những năng lực của người giáo viên ở trường phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.
45	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2	Học phần “ <i>Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2</i> ” tạo điều kiện cho người học được rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực hành các hoạt động dạy học, giáo dục ở trường trung học phổ thông. Từ đó, giúp sinh viên bước đầu vận dụng những lý thuyết dạy học đã được vào thực tiễn giảng dạy để chuẩn bị tốt hơn cho các hoạt động kiến tập và thực tập tại trường trung học phổ thông .
46	Lý luận dạy học Lịch sử và Địa lí	Lý luận dạy học Lịch sử và địa lí là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận dạy học cụ thể của bộ môn Lịch sử và Địa lí liên quan đến đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của dạy học lịch sử; bộ môn lịch sử ở trường phổ thông; hệ thống tri thức; các nguyên tắc và phương pháp, phương tiện dạy học lịch sử và địa lí. Đây là những kiến thức lý luận dạy học bộ môn đầu tiên được trang bị cho sinh viên, giúp sinh viên có được những nền tảng kiến thức quan trọng để tiếp tục tìm hiểu sâu hơn những kiến thức về phương pháp dạy học và phát triển chương trình ạy học ở những học kì sau.
47	Phương pháp dạy học Lịch sử và Địa	Phương pháp dạy học Lịch sử và địa lí là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm. Ở học phần này học sinh sẽ tiếp tục được tìm hiểu một cách cụ thể hơn, sâu hơn và thực hành những phương pháp dạy học lịch sử và địa lí khác nhau. Từ đó,

	lí ở trường phổ thông	rút ra được những ưu điểm, hạn chế, khó khăn thuận lợi của từng phương pháp dạy học khi vận dụng vào thực tiễn. Vì vậy, sau khi học xong học phần này sinh viên sẽ có những kiến thức, kĩ năng cơ bản để liên hệ, lựa chọn được những phương pháp dạy học phù hợp cho nội dung cụ thể của từng bài học lịch sử và địa lí.
48	Phát triển chương trình Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm, gồm các nội dung cơ bản: các khái niệm liên quan đến chương trình và phát triển chương trình giáo dục; các quan điểm và cách tiếp cận được sử dụng trong phát triển chương trình giáo dục; cấu trúc của chương trình giáo dục và cấu trúc của kế hoạch giáo dục của nhà trường; quy trình phát triển chương trình giáo dục và quy trình phát triển kế hoạch giáo dục của nhà trường; hệ thống năng lực cần phát triển cho học sinh trong dạy học Lịch sử ở trường phổ thông; kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và kế hoạch của giáo viên ở trường THCS.
49	Giao tiếp sư phạm	Học phần Giao tiếp Sư phạm thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Học phần này cung cấp các kiến thức và rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong giao tiếp sư phạm. Nội dung của học phần được bao gồm 4 chương: (1) Khái quát về giao tiếp sư phạm; (2) Một số nguyên tắc giao tiếp sư phạm, quy tắc ứng xử trong trường học và các phong cách giao tiếp sư phạm; (3) Các kỹ năng giao tiếp sư phạm; (4) Xử lý tình huống sư phạm.
50	Đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm, gồm các nội dung chính như: mục đích, yêu cầu việc kiểm tra đánh giá; các hình thức kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông; nội dung kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông; kỹ thuật soạn thảo câu hỏi kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông.
51	Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục nhà trường	Học phần này hình thành cho sinh viên các năng lực giáo dục của người giáo viên nói chung và của người giáo viên chủ nhiệm lớp nói riêng; tạo cơ hội cho sinh viên vận dụng kiến thức Tâm lý học Giáo dục học để xây dựng môi trường giáo dục tích cực cho học sinh như: Hình thành kỹ năng của người giáo viên chủ nhiệm lớp; năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh trong nhà trường.

		kỹ năng quản lý hành vi học sinh; kỹ năng hỗ trợ, tư vấn tâm lý học sinh; kỹ năng tổ chức hoạt động kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường trong giáo dục học sinh.
52	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông là học phần nghiên cứu lý luận và thực hành tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học bộ môn. Học xong học phần này, người học có thể hiểu khái niệm, tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm; xác định được hình thức, nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm, hình thành kỹ năng thiết kế hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử và Địa lí. Đồng thời hình thành và phát triển kỹ năng thiết kế, tổ chức hoạt động trải nghiệm và kỹ năng đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông.
53	Quản lý nhà nước về giáo dục	Học phần Quản lý nhà nước về giáo dục thuộc khối kiến thức chung, trang bị cho người học những kiến thức cơ bản quản lý nhà nước về giáo dục; hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; chủ trương, đường lối chính sách về phát triển và đổi mới giáo dục; Giúp người học ý thức rõ trách nhiệm của bản thân để chủ động tham gia xây dựng nền hành chính nhà nước, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở địa phương, nhà trường công tác sau tốt nghiệp.
54	Biên soạn, giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương	Giáo dục địa phương là một trong những nội dung dạy học quan trọng trong chương trình giáo dục phổ thông 2018, có ý nghĩa giáo dục sâu sắc đối với giúp học sinh. So với các môn học khác môn Lịch sử, Địa lí có nhiều ưu thế trong việc giáo dục truyền thống địa phương cho học sinh. Để giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về vai trò này của bộ môn, học phần “ <i>Biên soạn, giảng dạy Lịch sử và Địa lí địa phương</i> ” sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về đối tượng, phạm vi và phương pháp nghiên cứu địa phương; đặt cơ sở giúp sinh viên có thể thực hiện được các đề tài nghiên cứu về địa phương; xây dựng các chủ đề dạy học và giáo dục lịch sử, địa lí địa phương ở trường phổ thông.
55	Phương pháp tích hợp trong dạy học	Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông như: khái niệm, ý nghĩa của phương pháp tích hợp

	Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	trong DHLS; phân loại phương pháp tích hợp; vận dụng phương pháp tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông.
56	Kiến tập sư phạm	Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thực tập và khóa luận dành cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm Lịch sử và Địa lí. Người học có 3 tuần đến cơ sở thực tập để thực hiện và hoàn thành các nội dung sau: - Tìm hiểu và viết bài thu hoạch về thực tế giáo dục ở trường cơ sở thực tập ; - Tìm hiểu và viết bài thu hoạch về công việc của giáo viên bộ môn ...; - Tìm hiểu và viết bài thu hoạch về công việc của người giáo viên chủ nhiệm lớp; - Dự giờ giảng dạy, sinh hoạt chủ nhiệm của giáo viên hướng dẫn. Trao đổi, thảo luận với giáo viên hướng dẫn và giáo sinh cùng nhóm để rút kinh nghiệm sau mỗi tiết dự giờ.
57	Thực tập sư phạm	Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức thực tập và khóa luận trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử. Người học có 8 tuần đến cơ sở thực tập để thực hiện và hoàn thành các nội dung sau: - Thực hành các khâu của quy trình dạy học từ việc chuẩn bị đến việc lên lớp, củng cố kiến thức, chấm bài kiểm tra, vào điểm,... - Thực hành các nghiệp vụ của giáo viên chủ nhiệm từ nắm bắt tình hình lớp, đội ngũ cán bộ lớp, hội cha mẹ học sinh, tổ chức các phong trào thi đua học tập và rèn luyện cho học sinh, đánh giá, xếp loại học sinh,... - Phối hợp với các tổ chức đoàn thể của trường để tổ chức lễ kỷ niệm các ngày lễ lớn, hoạt động trải nghiệm, hoạt động xã hội, lao động công ích,... - Trao đổi với giáo viên hướng dẫn và giáo sinh cùng nhóm để rút kinh nghiệm sau mỗi tiết lên lớp.
58	Khóa luận tốt nghiệp	Khóa luận tốt nghiệp là học phần giúp sinh viên được tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học sinh viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội

		dung đề tài nghiên cứu theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên sau khi tốt nghiệp. .
59	Chuyên luận tốt nghiệp 1 (Khoa học Lịch sử, Địa lí)	Chuyên luận tốt nghiệp 1 là một trong hai học phần tự chọn bắt buộc thay thế cho học phần khóa luận, nhằm giúp sinh viên được tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học sinh viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội dung đề tài nghiên cứu liên quan đến khoa học lịch sử, địa lí theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên sau khi tốt nghiệp.
60	Chuyên luận tốt nghiệp 2 (Khoa học Giáo dục)	Chuyên luận tốt nghiệp 1 là một trong hai học phần tự chọn bắt buộc thay thế cho học phần khóa luận, nhằm giúp sinh viên được tập dượt về hoạt động nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở những kiến thức đã học sinh viên lựa chọn đề tài, lập đề cương và hoàn thành nội dung đề tài nghiên cứu liên quan đến khoa học giáo dục theo sự định hướng của giảng viên hướng dẫn. Qua quá trình này giúp nâng cao năng lực nghiên cứu, khắc sâu thêm kiến thức chuyên ngành tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển và học lên bậc học cao hơn của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

G. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:

(Xem phụ lục 1)

H. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Sư phạm về đào tạo đại học theo hình thức tín chỉ. Chương trình này được định kỳ xem xét rà soát, hiệu chỉnh hằng năm nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành và phù hợp với nhu cầu xã hội.

Trên cơ sở chương trình đào tạo và cây môn học, với sự hướng dẫn của cố vấn học tập, sinh viên chủ động trong việc xác định tiến trình học tập của bản thân.

Phân công trách nhiệm thực hiện chương trình đào tạo:

+ *Phòng đào tạo*: xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa học, phân thời khóa biểu khóa học; theo dõi, nhắc nhở khoa, giảng viên, sinh viên thực hiện đúng các nội dung trong

chương trình; hướng dẫn quy chế đào tạo cho sinh viên, giảng viên, cố vấn học tập...

+ *Khoa*: tổ chức phân công cán bộ cố vấn cho các lớp để tư vấn giúp sinh viên đăng ký lựa chọn môn học; phân công giảng viên giảng dạy; Xây dựng và công bố cho sinh viên ngay từ đầu khóa học chương trình đào tạo; đề xuất việc mua sắm để đảm bảo vật tư, phương tiện thiết bị cho thí nghiệm, thực hiện ngay từ đầu các năm học.

+ *Giảng viên*: giới thiệu cho sinh viên mục tiêu, hệ thống tài liệu bắt buộc và tham khảo của học phần; xây dựng lịch trình học tập, nghiên cứu và thảo luận... cho học phần mình giảng dạy; thực hiện nghiêm túc việc giảng dạy, tư vấn và hướng dẫn sinh viên; tổ chức đánh giá kết quả học tập theo các tiêu chí; trường xuyên cập nhật đổi mới bài giảng.

+ *Các bộ phận chức năng khác*: phối hợp quản lý sinh viên, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, môi trường học tập, nề nếp tác phong... để phục vụ giảng dạy tốt hơn.

K. ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Cập nhật chương trình đào tạo

Định kỳ tối thiểu 2 năm một lần, Trường Khoa quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng và theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 16/4/2015.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh, cập nhật.

II. Đánh giá chương trình đào tạo

Ít nhất 5 năm một lần, Trường đơn vị chuyên môn quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành của Trường Đại học Sư phạm và theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 14/03/2016.

Hiệu trưởng quyết định ban hành chương trình đào tạo cải tiến, sửa đổi trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá.

TRƯỜNG KHOA

Nguyễn Duy Phương



PGS. TS. Lưu Trang

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC 1.1. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. TRIẾT HỌC MÁC – LÊNIN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Triết học Mác- Lênin
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Marx - Lenin Philosophy
1.3	Mã học phần:	21231902
1.4	Số tín chỉ:	3 TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	2TC (30 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	15TC (15 tiết)
-	Thực hành loại 2	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	90 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Phạm Huy Thành
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	PGS. TS. Lê Hữu Ái TS. Phạm Huy Thành TS. Đinh Thị Phượng TS. Dương Đình Tùng TS Trần Hồng Lưu TS. Trịnh Sơn Hoan Ths Trần Đức Tâm TS. Lê Văn Thao
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	- Triết học- Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Kinh tế, ĐHQĐN - Lý luận chính trị - Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Sư phạm, ĐHQĐN

1.7.	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☒ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Triết học Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình; cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác-Lênin; xây dựng thế giới quan và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác; giúp người học nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lênin. Nội dung của học phần được cấu trúc gồm 3 chương. Chương 1 Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin. Chương 2, chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3, chủ nghĩa duy vật lịch sử.

3. Mục tiêu học phần

3.1 Mục tiêu chung

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức khái luận về quá trình hình thành, phát triển của triết học và triết học Mác- Lênin; kiến thức nền tảng về chủ nghĩa duy vật lịch sử và chủ nghĩa duy vật biện chứng; hình thành thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng cho người học, giúp người học có tư duy phản biện và sáng tạo trong việc bảo vệ các quan điểm của triết học Mác- Lênin.

3.2 Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

CO1. Có kiến thức khái luận về triết học và lịch sử hình thành triết học Mác-Lênin.

CO2: Có kiến thức nền tảng về chủ nghĩa duy vật biện chứng.

CO3: Có kiến thức nền tảng về chủ nghĩa duy vật lịch sử.

CO4: Có kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ đạt cho PI
CLO1	Nêu được quá trình hình thành và phát triển của triết học, nội dung vấn đề cơ bản của triết học.	PI1.1	R
CLO2	Chứng minh được vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.	PI1.1	R
CLO3	Phân tích được mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức, nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức.	PI1.1	R
CLO4	Phân tích được những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử về học thuyết hình thái kinh tế- xã hội: biện chứng lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; biện chứng cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội; sự phát triển lịch sử- tự nhiên của các hình thái kinh tế- xã hội.	PI1.1	R
CLO5	Giải thích được quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người;	PI1.1	R
CLO6	Chỉ ra được sự vận dụng các bài học phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.	PI1.4	I
CLO7	Đấu tranh với các quan điểm duy tâm, tôn giáo và phản biện, bảo vệ được các vấn đề của triết học Mác- Lênin.	PI6.1, PI8.2	R R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1		PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
	PI1.1	PI1.4					PI6.1		PI8.2
CLO 1	R								
CLO 2	R								

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1		PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
	PI1.1	PI1.4					PI6.1		PI8.2
CLO 3	R								
CLO4	R								
CLO5	R								
CLO6		I							
CLO7							R		R

6. Đánh giá học phần

6.1 Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Thái độ/ Chuyên cần	P1.1 Quan sát	R1	W1.1 50	W1 30	CLO 1, 3, 4,5
	A1.2 Bài làm theo nhóm	P1.2. Cuốn báo cáo và thuyết trình tại lớp	R5	W1.2 50		CLO 2, 3,4,5,6,7
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2 Kiểm tra giữa kỳ	P2 Tự luận	R6	W2 100	W2 20	CLO 2, 3
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3 Kiểm tra cuối kỳ	P3 Tự luận	R6	W3 100	W3 50	CLO 3, 4, 6

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (3 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/ THL1/ THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1. Khái luận về triết học và triết học Mác-Lênin 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.1.1. Khái lược về triết học 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học 1.1.3. Biện chứng và siêu hình 1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội 1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác- Lênin	2/1	Thuyết trình/ kỹ thuật động não	Đọc tài liệu GT trang 7 thảo luận cá nhân và nhóm Làm bài tập cá nhân	A1.1	CLO 1
2	1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin 1.2.3. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.1. Vật chất và ý thức 2.1.1. Vật chất và phương thức tồn tại của vật chất	2/1	Thuyết trình, kỹ thuật mảnh ghép, Pp nêu và giải quyết vấn đề	Đọc tài liệu, trang 25 thảo luận nhóm báo cáo bài tập cá nhân	A1.1 A1.2	CLO1 CLO 2 CLO7

3	2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức 2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức 2.2. Phép biện chứng duy vật 2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật	2/1	Thuyết trình, bề cá, mảnh ghép, động não	Đọc tài liệu trang 77 thảo luận nhóm theo chủ đề, báo cáo kết quả thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO 3 CLO6 CLO7
4	1. Nội dung của phép biện chứng	2/1	Thuyết trình, KT bề cá, KT mảnh ghép, KT động não	Đọc tài liệu GT trang 100 thảo luận nhóm theo chủ đề, báo cáo kết quả thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO 3 CLO6 CLO7
5	2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật (TT) 2.3. Lý luận nhận thức 2.3.1. Quan niệm về nhận thức trong lịch sử triết học	2/1	Thuyết trình, kĩ thuật mảnh ghép,	Đọc TL GT trang 200 Làm bài tập cá nhân	A1.1 A1.2	CLO 3 CLO6
6	2.3.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	2/1	Thuyết trình, sơ đồ tư duy, động não, tia chớp	Đọc tài liệu GT trang 274 thảo luận, bài tập nhỏ của cá nhân	A1.1 A1.2	CLO 3 CLO6 CLO7
7	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử 3.1 Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 3.1.1 Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội 3.1.2 Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất	2/1	sơ đồ tư duy, động não, tia chớp	Đọc tài liệu GT trang 284 Làm bài tập cá nhân	A1.1 A1.2	CLO4 CLO6 CLO7
8	Kiểm tra giữa kỳ		Tự luận		A2	CLO 2 3
9	3.1.3 Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng	2/1	PP động não PP thảo luận nhóm	- Đọc tài liệu GT trang 305 - Thảo luận	A1.1 A1.2	CLO 4

	3.2 Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên 3.2.1 Phạm trù hình thái KT-XH		PP trực quan	cặp đôi/nhóm nhỏ - Trực quan		CLO6 CLO7
10	3.2.2 Tiến trình lịch sử- tự nhiên của xã hội loài người 3.2.3 Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng 3.3 Giai cấp 3.3.1 Định nghĩa giai cấp 3.3.2 Nguồn gốc giai cấp 3.3.3 Kết cấu xã hội- giai cấp	2/1	Thuyết trình, động não, tia chớp	- Đọc tài liệu GT trang 318 - Thảo luận cặp đôi Làm bài tập cá nhân	A1.1 A1.2	CLO4 CLO6 CLO7
11	3.4 Đấu tranh giai cấp 3.4.1 Tính tất yếu và thực chất của đấu tranh giai cấp 3.4.2 Vai trò của đấu tranh giai cấp trong sự phát triển của xã hội có giai cấp 3.4.3 Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản 3.5 Dân tộc 3.5.1 Cách hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc 3.5.2 Dân tộc- hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay	2/1	- kĩ thuật khăn trải bàn - Làm việc cá nhân Đàm thoại	-Làm việc cá nhân - Thảo luận nhóm nhỏ	A1.1 A1.2	CLO5 CLO7
12	3.6 Mối quan hệ giai cấp- dân tộc- nhân loại 3.6.1 Quan hệ giai cấp- nhân loại 3.6.2 Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại 3.7 Nhà nước 3.7.1 Nguồn gốc của nhà nước 3.7.2 Bản chất của nhà nước	2/1	kĩ thuật khăn trải bàn Thuyết trình Động não	Phiếu học tập Làm việc nhóm	A1.1 A1.2	CLO5 CLO7

	3.7.3 Đặc trưng của nhà nước 3.7.4 Chức năng cơ bản của nhà nước 3.7.5 Các kiểu và hình thức nhà nước 3.8 Cách mạng xã hội 3.8.1 Nguồn gốc của cách mạng xã hội					
13	3.8.2 Bản chất của cách mạng xã hội thế giới hiện nay 3.8.3 Phương pháp cách mạng 3.8.4 Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay 3.9 Ý thức xã hội 3.9.1 Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 3.9.2 Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội 3.9.3 Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội	2/1	Phương pháp nêu và giải quyết vấn đề	Hoàn thành phiếu học tập Làm việc cá nhân	A1.1 A1.2	CLO5 CLO7
14	3.10 Con người và bản chất của con người 3.10.1 Con người là thực thể sinh học- xã hội 3.10.2 Con người khác biệt với con vật ngay từ khi con người bắt đầu sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình 3.10.3 Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người 3.10.4 Con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử 3.10.5 Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội	2/1	Phương pháp thuyết trình Phương pháp vấn đáp	Hoàn thành phiếu học tập Làm việc nhóm nhỏ	A1.1 A1.2	CLO5 CLO7
15	3.11 Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3.11.1 Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa 3.11.2 “Vĩnh viễn giải phóng xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức” 3.11.3 “Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát	2/1	Trò chơi Động não Thực quan	Hoàn thành Phiếu học tập Làm việc cá nhân Thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO5

	triển tự do của tất cả mọi người” 3.12 Quan điểm của triết học Mác-Lênin về quan hệ cá nhân và XH, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử 3.12.1 Quan hệ giữa cá nhân và xã hội					
16	3.12.2 Vai trò của quần chúng ND và lãnh tụ trong LS 3.13 Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam	2/1	Sơ đồ tư duy	Làm bài tập cá nhân Ôn tập	A1.1 A1.2	CLO5
17	Thi kết thúc học phần		Tự luận		A3	CLO 3, 4,6

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Sách, bài giảng, giáo trình chính			
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo,	2021	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Nxb Chính trị quốc gia Sự thật
	Sách, giáo trình tham khảo			
1	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	2010	Giáo trình Triết học Mác-Lênin (tái bản có sửa chữa, bổ sung)	Nxb Chính trị Quốc gia
2	Bộ Giáo dục và Đào tạo,	2014	Giáo trình Triết học (Dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành triết học)	Nxb Đại học Sư phạm

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Cách mạng tháng Mười	https://www.youtube.com/watch?v=LlXY26bvdK8&t=420s	10/7/21

2	Chủ nghĩa Mác không lỗi thời	https://www.youtube.com/watch?v=YXexq61RQLU	10/07/21
3	Tuổi trẻ Các Mác	https://www.youtube.com/watch?v=QxfJlQ7qHaQ	10/07/21
4	Who am I	Ted.com https://www.ted.com/talks/amy_adkins_who_am_i_a_philosophical_inquiry	10/7/21

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng giảng dạy	Máy chiếu, máy tính		Chương 1, 2,3

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 7 năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin chung về học phần**

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Political economy of Marxism – Leninism
1.3	Mã học phần:	21321901
1.4.	Số tín chỉ:	2TC
1.5.	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	1,6TC (24 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	0,4TC (06 tiết)
-	Thực hành loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	60 tiết
1.6.	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS Vương Phương Hoa
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	- TS Vương Phương Hoa - TS Nguyễn Lê Thu Hiền - TS Nguyễn Hồng Cử - Ths Nguyễn Thị Kiều Trinh - Ths Nguyễn Thị Thu Huyền - Ths Trần Thị Thùy Trang - Ths Nguyễn Thị Hương
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	Kinh tế Chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học Lý luận chính trị
1.7.	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Triết học Mác – Lênin
-	Học phần song hành:	Không

1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☒ Kiến thức Giáo dục đại cương. ☐ Kiến thức Cơ sở ngành. ☐ Kiến thức Chuyên ngành. ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm. ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận.

2. Mô tả tóm tắt học phần

Kinh tế Chính trị Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức đại cương trong chương trình đào tạo. Nội dung của học phần gồm 6 chương, được kết cấu thành 2 phần chính:

Một là, nghiên cứu các vấn đề kinh tế chính trị của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong cả hai giai đoạn là tự do cạnh tranh và giai đoạn độc quyền.

Hai là, nghiên cứu các vấn đề về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Qua nghiên cứu, học tập, sinh viên hiểu rõ những nội dung cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Học phần góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin cho sinh viên. Trên cơ sở đó, người học biết đánh giá những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn liên quan đến những vấn đề kinh tế chính trị trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

CO1: Có kiến thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay.

CO2: Hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

CO3: Xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Đóng góp cho PI	Mức độ đạt cho PI
CLO1	Giải thích được các phạm trù cơ bản, đặc điểm và bản chất các quy luật vận động của kinh tế thị trường; kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa	PI1.1	M
CLO2	Giải thích được đặc điểm, bản chất của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.	PI1.1, PI6.1	M I
CLO3	Phân tích quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay.	PI1.1, PI1.3	M I
CLO4	Áp dụng được các kiến thức đã học để có thể lý giải những hiện tượng kinh tế, xã hội trong thực tiễn	PI1.1, PI1.3	M I
CLO5	Xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học để tiếp cận các học phần kinh tế chuyên ngành.	PI8.2	R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1		PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
	PI1.1	PI1.3					PI6.1		PI8.2
CLO 1	M								
CLO 2	M						I		
CLO3	M	I							
CLO4	M	I							
CLO5									R

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CDR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần	P1.1. Quan sát	R1	W1.1 50	W1 20	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
	A1.2 Bài tập ngắn/ nhiệm vụ trên lớp	P1.2. Tự luận/ Trình bày tại lớp	R2	W1.2 50		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2. Kiểm tra giữa kỳ	P2. Tự luận	R6	100	W2 30	CLO1 CLO2
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3. Thi cuối kỳ	P3. Tự luận	R6	100	W3 50	CLO1 CLO2 CLO3

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (2tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/ Chương	Số tiết (LT/ THL/ THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2/0	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề.	- Học ở lớp: Sinh viên Think-Share và nghe giảng.	A1.1 A1.2	CLO1 CLO5

	1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin 1.3.1. Chức năng nhận thức 1.3.2. Chức năng thực tiễn 1.3.3. Chức năng tư tưởng 1.3.4. Chức năng phương pháp luận			- Học ở nhà: + Đọc chương 1 Giáo trình [1] trang 11-33. + Đọc thêm tài liệu [3].		
2	Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.1. Lý luận của C.mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa 2.1.1. Sản xuất hàng hóa 2.1.2. Hàng hóa	2/0	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. - Học ở nhà: Đọc Chương 2 Giáo trình [1] trang 34-46.	A1.1 A1.2 A2 A3	CLO1 CLO4 CLO5
3	2.1.3. Tiền 2.1.4. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay. 2.2. Thị trường và nền kinh tế thị trường. 2.2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của thị trường.	2/0	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. - Học ở nhà: Đọc Chương 2 Giáo trình [1] trang 46-61.	A1.1 A1.2 A2 A3	CLO1 CLO4 CLO5
4	2.2.2. Nền kinh tế thị	1/1	- Thuyết trình.	- Học ở lớp:	A1.1	CLO1

	trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường. 2.3. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường. 2.3.1. Người sản xuất. 2.3.2. Người tiêu dùng. 2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường. 2.3.4. Nhà nước.		- Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não. - Thảo luận nhóm.	Think-Share và nghe giảng. Làm việc nhóm và làm bài tập cá nhân số 1. - Học ở nhà: Đọc Chương 2 Giáo trình [1] trang 61-83.	A1.2 A2 A3	CLO4 CLO5
5	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.1. Lý luận của C.mác về giá trị thặng dư 3.1.1. Nguồn gốc giá trị thặng dư	2/0	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. - Học ở nhà: Đọc Chương 3 Giáo trình [1] trang 84-98.	A1.1 A1.2 A2 A3	CLO1 CLO4 CLO5
6	3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư. 3.2. Tích lũy tư bản 3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản. 3.2.2. Những nhân tố ảnh hưởng tới quy mô tích lũy. 3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản.	2/0	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. - Học ở nhà: Đọc Chương 3 Giáo trình [1] trang 98-109.	A1.1 A1.2 A2 A3	CLO1 CLO4 CLO5
7	3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường. 3.3.1. Lợi nhuận. 3.3.2. Lợi tức. 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa.	1/1	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não. - Thảo luận nhóm.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. Thảo luận nhóm 4. Làm bài tập cá nhân số 2. - Học ở nhà: Đọc Chương 3 Giáo trình [1] trang 109-123.	A1.1 A1.2 A2 A3	CLO1 CLO4 CLO5
8	Kiểm tra giữa kỳ	0	Tự luận		A2	CLO1

						CLO2
9	Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường. 4.1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền 4.1.2. Quan hệ cạnh tranh trong trạng thái độc quyền 4.2. Lý luận của V.I. Lênin về các đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. 4.2.1. Lý luận của V.I. Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền	2/0	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. - Học ở nhà: Đọc Chương 4 Giáo trình [1] trang 124-144.	A1.1 A1.2 A3	CLO1 CLO4 CLO5
10	4.2.2. Lý luận của V.I. Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản. 4.3. Những biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện này nay; vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản. 4.3.1. Biểu hiện mới của độc quyền. 4.3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước dưới chủ nghĩa tư bản. 4.3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản.	1/1	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não. - Thảo luận nhóm. - Dạy học qua tình huống.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. Thảo luận đôi, nhóm 4. - Học ở nhà: Đọc Chương 4 Giáo trình [1] trang 144-168.	A1.1 A1.2 A3	CLO1 CLO4 CLO5
11	Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế 5.1. Kinh tế thị trường	2/0	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. - Học ở nhà: Đọc Chương 5	A1.1 A1.2 A3	CLO2 CLO4 CLO5

	định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.			Giáo trình [1] trang 169-187.		
12	5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 5.2.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trên một số khía cạnh chủ yếu.	1/1	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não. - Thảo luận nhóm.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. Thảo luận đôi, nhóm 4. - Học ở nhà: Đọc Chương 5 Giáo trình [1] trang 187-196.	A1.1 A1.2 A3	CLO2 CLO4 CLO5
13	5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. 5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế 5.3.2. Vai trò của nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích.	1,5/0,5	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não. - Thảo luận nhóm.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. Thảo luận đôi, nhóm 4. - Học ở nhà: Đọc Chương 5 Giáo trình [1] trang 196-223.	A1.1 A1.2 A3	CLO2 CLO4 CLO5
14	Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. 6.1. Công nghiệp hóa, hiện	1,5/0,5	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. Thảo luận đôi, nhóm 4.	A1.1 A1.2 A3	CLO3 CLO4 CLO5

	đại hóa ở Việt Nam. 6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa.		- Thảo luận nhóm.	- Học ở nhà: Đọc Chương 6 Giáo trình [1] trang 224-245.		
15	6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. 6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	2/0	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. - Học ở nhà: Đọc Chương 6 Giáo trình [1] trang 246-259.	A1.1 A1.2 A3	CLO3 CLO4 CLO5
16	6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. 6.2.1. Khái niệm và các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế. 6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam. 6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam.	1/1	- Thuyết trình. - Giải quyết vấn đề. - Kỹ thuật động não. - Thảo luận nhóm.	- Học ở lớp: Think-Share và nghe giảng. Làm việc nhóm. - Học ở nhà: Đọc Chương 6 Giáo trình [1] trang 260-286.	A1.1 A1.2 A3	CLO3 CLO4 CLO5
17	Thi cuối kỳ (Theo lịch thi)	0	Tự luận		A3	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Sách, bài giảng, giáo trình chính			
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Sử dụng trong các trường đại học - hệ không chuyên lý luận chính	Chính trị Quốc gia Sự thật

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
			trị).	
	Sách, giáo trình tham khảo			
2	Đảng Cộng sản Việt Nam.	2021	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII	Chính trị Quốc gia Sự thật.
3	PGS.TS. Trần Việt Tiến	2019	Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế	Đại học Kinh tế Quốc dân.

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	PGS.TS.Nguyễn Văn Thạo, Những nội dung mới về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN trong Văn kiện ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.	https://www.tapchicongsan.org.vn	09/05/2021
2	Đảng Cộng sản Việt Nam - Đại hội XIII	https://tulieuvankien.dangcongsan.vn	14/07/2021
3	Nhiệm kỳ 2016-2020: Việt Nam đạt nhiều thành tựu kinh tế đặc biệt, nâng cao vị thế đất nước.	https://vtv.vn/	13/01/2021
4	Việt Nam tích cực, chủ động hội nhập quốc tế	https://vtv.vn/	02/09/2020

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học	Máy tính, máy chiếu		Chương 1-6

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 7 năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	Science socialism
1.3	Mã học phần:	21221903
1.4	Số tín chỉ:	2TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	1,6TC (24 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	0,4TC (06 tiết)
-	Thực hành loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	60 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS.Vương Phương Hoa
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS Vương Phương Hoa, TS Nguyễn Lê Thu Hiền, TS Nguyễn Hồng Cử, Ths Nguyễn Thị Kiều Trinh, Ths Nguyễn Thị Thu Huyền, Ths Trần Thị Thùy Trang, Ths Hoàng Thị Kim Liên TS Vương Thị Bích Thủy, Ths Nguyễn Thị Hương
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	BM Kinh tế Chính trị và Chủ nghĩa xã hội khoa học
1.7	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Triết học Mác-Lênin
-	Học phần học trước:	Không
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do

1.9	<i>Thuộc khối kiến thức</i>	☒ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận
------------	------------------------------------	---

2. Mô tả tóm tắt học phần

Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin và là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo. Học phần được kết cấu thành hai phần chính:

- Một là, nghiên cứu những vấn đề cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin.
- Hai là, nghiên cứu những vấn đề chính trị - xã hội của Việt Nam liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của học phần là cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học và những nội dung cốt lõi của lý luận Chủ nghĩa xã hội khoa học. Giúp người học hiểu rõ quá trình hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, nhận thức rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong tiến trình giải phóng con người và xây dựng xã hội mới tốt đẹp. Đồng thời nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học giúp người học nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn, vận dụng tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học vào hoạt động nghề nghiệp và học tập suốt đời.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Có kiến thức cơ bản về quá trình ra đời, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học.
- **CO2:** Có kiến thức cơ bản, cốt lõi về Chủ nghĩa xã hội khoa học – một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác-Lênin.
- **CO3:** Có năng lực hiểu biết thực tiễn, vận dụng tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học vào xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.
- **CO4:** Tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đất nước.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO1	Giải thích được những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	PI1.1, PI1.3	M I
CLO2	Phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; các vấn đề về dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa.	PI1.1	M
CLO3	Giải thích được các vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin.	PI1.1 PI1.3	M I
CLO4	Vận dụng những kiến thức đã học chủ động xử lý hiệu quả các vấn đề trong thực tiễn	PI6.1	I
CLO5	Giải thích được những hiện thực chính trị- xã hội nảy sinh trong thực tiễn công cuộc xây dựng, đổi mới và phát triển đất nước.	PI8.2	R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)								
	PLO1		PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
	PI1.1	PI1.3					PI6.1		PI8.2
CLO 1	M	I							
CLO 2	M								
CLO 3	M								
CLO 4							I		
CLO 5									R

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Chuyên cần	P1.1. Thời gian, mức độ tham gia các buổi học trên lớp	R1	W1.1 50%	W1 20%	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
	A1.2. Bài tập cá nhân	P1.2. Trình bày tại lớp; Hỏi – đáp; Trắc nghiệm	R2	W1.2 50%		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2. Kiểm tra giữa kỳ	P2. Tự luận	R6	W2.1 30%	W2 30%	CLO1 CLO2
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3. Kiểm tra cuối kỳ	P3 Tự luận	R6	W3.1 100%	W3 50%	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;
- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/ Buổi (2 tiết/ buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/ THL1/ THL2)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CĐR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (L/T/	Hoạt động dạy và học		Bài đánh	CĐR học
1	Chương 1. Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học; 1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử 1.1.2. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen 1.2. Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; 1.2.1.C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2.2. V.I.Lênin vận dụng, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới	2/0/0	Kết hợp: - Thuyết trình; - Trực quan; - Nêu vấn đề; - Đàm thoại;	- Đọc giáo trình tr.7-27; - Nghe giảng, - Làm bài tập cá nhân;	A1.1 A1.2	CLO4 CLO5
2	1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay. 1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học. 1.3.1. Đối tượng 1.3.2. Phương pháp 1.3.3. Ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học	1/1/0	Kết hợp: - Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Đàm thoại; - Thảo luận	- Đọc giáo trình tr.7-27; - Nghe giảng, - Thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO4 CLO5
3	Chương 2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân	2/0/0	- Thuyết trình; - Đàm thoại; - Trực quan;	- Đọc giáo trình, tr.28-48; - Đối thoại; - Bài tập	A1.1 A1.2	CLO1 CLO4 CLO5

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/	Hoạt động dạy và học		Bài đánh	CĐR học
	2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân 2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân		- Nêu vấn đề; - Thảo luận	cá nhân; - Thảo luận nhóm		
4	2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay 2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay 2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay	2/0/0	- Thuyết trình; - Đàm thoại; - Trực quan; - Nêu vấn đề; - Thảo luận	- Đọc giáo trình, tr.28-48; - Đối thoại; - Bài tập cá nhân; - Thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO1 CLO4 CLO5
5	2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. 2.3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam 2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay 2.3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	1/1/0	- Thuyết trình; - Đối thoại. - Trực quan; - Nêu vấn đề; - Động não;	- Đọc giáo trình, tr.28-48; - Nghe giảng - Đối thoại; - Bài tập cá nhân;	A1.1 A1.2	CLO2 CLO4 CLO5
6	Chương 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.1. Điều kiện ra đời chủ nghĩa xã hội 3.1.3. Đặc trưng cơ bản của	2/0/0	- Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Trực quan;	- Đọc giáo trình, tr.48-68; - Thảo luận đôi, nhóm	A1.1 A1.2	CLO2 CLO4 CLO5

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/	Hoạt động dạy và học		Bài đánh	CĐR học
	chủ nghĩa xã hội 3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		- Động não	- Bài tập cá nhân.		
7	3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa 3.3.2. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	1/1/0	- Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Trực quan; - Động não - Thảo luận	- Tự nghiên cứu Giáo trình 1, tr.48-68; - Thảo luận đôi, nhóm - Bài tập cá nhân.	A1.1 A1.2	CLO2 CLO4 CLO5
8	Kiểm tra Giữa kỳ		Tự luận	Được sử dụng tài liệu	A2.1	CLO1 CLO2
9	Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ 4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa 4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa	2/0/0	- Thuyết trình; - Trực quan; - Nêu vấn đề; - Vấn đáp	- Đọc giáo trình, tr.69-89 - Nghe giảng, làm bài tập cá nhân; - Đối thoại; - Giải quyết tình huống	A1, A2, A3	CLO2 CLO4 CLO5

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/	Hoạt động dạy và học		Bài đánh	CĐR học
	4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa					
10	4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam 4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam 4.3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay	1/1/0	- Thuyết trình; - Giảng giải; - Động não - Nêu vấn đề; - Vấn đáp - Dạy học tình huống	- Đọc giáo trình, tr.69-89; - Nghe giảng - Đối thoại; - Giải quyết tình huống	A1.1 A1.2	CLO4 CLO7
11	Chương 5. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 5.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội-giai cấp trong cơ cấu xã hội 5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2/0/0	- Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Thảo luận;	- Đọc giáo trình, tr.89-104; - Đối thoại; - Thảo luận nhóm; - Bài tập cá nhân;	A1.1 A1.2	CLO1 CLO4 CLO5
12	5.3. Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 5.3.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp	1/1/0	- Thuyết trình; - Nêu vấn đề; - Thảo	- Đọc giáo trình, tr.89-104; - Đối thoại;	A1.1 A1.2	CLO1 CLO4 CLO5

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/	Hoạt động dạy và học		Bài đánh	CĐR học
	trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.		luận;	- Thảo luận nhóm; - Bài tập cá nhân;		
13	Chương 6. Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.1.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc 6.1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam	2/0/0	-Thuyết trình; - Vấn đáp; - Đàm thoại; - Nêu vấn đề - Thảo luận nhóm	- Đọc giáo trình 1, tr.105-110; - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO3 CLO4 CLO5
14	6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo 6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay 6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.	1/1/0	- Thuyết trình; - Vấn đáp; - Đàm thoại; - Nêu vấn đề - Thảo luận nhóm	- Đọc giáo trình 1, tr.110-128; - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO3 CLO4 CLO5
15	Chương 7. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 7.1. Khái niệm, vị trí và chức	2/0/0	- Thuyết trình; - Vấn đáp; - Đàm	- Đọc giáo trình 1, tr.128-143;	A1.1 A1.2	CLO3 CLO4 CLO5

Tuần/ Buổi	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/	Hoạt động dạy và học		Bài đánh	CĐR học
	năng của gia đình 7.1.1. Khái niệm gia đình 7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội 7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình 7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 7.2.1. Cơ sở kinh tế-xã hội 7.2.2. Cơ sở chính trị-xã hội 7.2.3. Cơ sở văn hóa 7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ		thoại; - Nêu vấn đề - Thảo luận nhóm	- Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm		
16	7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 7.3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 7.3.3. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	2/0/0	- Thuyết trình; - Vấn đáp; - Đàm thoại; - Nêu vấn đề - Thảo luận nhóm	- Đọc giáo trình, tr.128-143; - Bài tập cá nhân - Thảo luận nhóm	A1.1 A1.2	CLO3 CLO4 CLO5
17	Kiểm tra cuối kỳ		Tự luận	Làm bài tự luận được sử dụng tài liệu	A3.1	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

8. Học liệu

8.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Sách, bài giảng, giáo trình chính			

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị)	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học chuyên Lý luận chính trị)	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
2	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh	2008	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (tái bản có sửa chữa, bổ sung)	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
3	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	2018	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội

8.2. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	- Lịch sử Biên niên Đảng Cộng sản Việt Nam - Văn kiện Đảng toàn tập - Phong trào cộng sản, công nhân quốc tế - Các nước, vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế	https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/van-kien-dang-toan-tap	20/07/2021
2	- Thông tin lý luận - Sự kiện, bình luận - Các bài nghiên cứu theo chủ đề	https://www.tapchicongsan.org.vn/	20/07/2021
3	Các bài nghiên cứu theo chủ đề	http://lyluanchinhtri.vn/	20/07/2021

4	Các bài nghiên cứu chuyên sâu theo chủ đề	http://tapchikhxh.vass.gov.vn/	20/07/2021
---	---	---	------------

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy (nếu có)

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng giảng dạy	Máy chiếu, máy tính		Chương 1, 2,3,4,5,6,7

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 07 năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Giảng viên biên soạn

4. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Sư phạm Lịch sử và Địa lí Mã số: 7140249

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

1.1	Tên học phần (tiếng Việt)	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
1.2	Tên học phần (tiếng Anh)	History of The Communist Party of Vietnam
1.3	Mã học phần:	21221904
1.4	Số tín chỉ:	2TC
1.5	Phân bố thời gian:	
-	Lý thuyết:	1.6TC (24 tiết)
-	Thực hành Loại 1:	0.4TC (06 tiết)
-	Thực hành Loại 2:	0TC (0 tiết)
-	Tự học:	60 tiết
1.6	Các giảng viên phụ trách học phần:	
-	Giảng viên phụ trách chính:	TS. Đinh Văn Trọng
-	Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	1. PGS.TS. Ngô Văn Hà, 2. TS. GVCC. Lê Thị Tuyết Ba, 3. TS. Từ Ánh Nguyệt, 4. Ths. GVC. Đỗ Thị Hằng Nga, 5. Ths. GVC. Nguyễn Văn Hoàn, 6. Ths. Nguyễn Hải Như
-	Bộ môn phụ trách giảng dạy:	1. Lịch sử Đảng và Tư tưởng Hồ Chí Minh (Khoa LLCT – Trường ĐHKT) 2. Lý luận Chính trị (Khoa GDCT – Trường ĐHSP)

1.7.	Điều kiện tham gia học phần:	
-	Học phần tiên quyết:	Không
-	Học phần học trước:	Triết học Mác-Lênin
-	Học phần song hành:	Không
1.8	Loại học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn bắt buộc ☐ Tự chọn tự do
1.9	Thuộc khối kiến thức	☐ Kiến thức Giáo dục đại cương ☐ Kiến thức Cơ sở ngành ☐ Kiến thức Chuyên ngành ☐ Kiến thức Nghiệp vụ Sư phạm ☐ Kiến thức Thực tập và Khóa luận

2. Mô tả tóm tắt học phần

Ngoài chương nhập môn và kết luận, học phần có 3 chương đề cập đến những tri thức khoa học về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); Một số bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng. Qua đó, khẳng định những thành công, ưu điểm, nêu lên hạn chế, kinh nghiệm trong tiến trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, cốt lõi, có hệ thống về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Qua đó, giúp người học có khả năng vận dụng kiến thức Lịch sử Đảng vào xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước; đồng thời giáo dục cho sinh viên lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và dân tộc, củng cố, bồi đắp niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3.2. Mục tiêu cụ thể (Course Objectives: COs)

- **CO1:** Giúp cho sinh viên hiểu rõ sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; đường lối của Đảng về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đổi mới đất nước.

- **CO2:** Định hướng cho sinh viên phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng; nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trước trước xã hội, chấp hành chủ trương, pháp luật của Đảng và nhà nước.

- **CO3:** Rèn luyện phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn; phát huy tính năng động, sáng tạo của sinh viên trong việc vận dụng kiến thức chuyên ngành để giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội ... theo đường lối, chính sách của Đảng.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes: CLOs)

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng:

Chuẩn đầu ra (CLOs)	Nội dung Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PIs	Mức độ của PIs
CLO1	Nhận thức được quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.	PI1.1	M,A
CLO2	Phân tích được ý nghĩa lịch sử sự ra đời của Đảng, quá trình thực hiện đường lối đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.	PI1.3, PI6.3	R
CLO3	Nhận thức được đường lối công nghiệp hóa, đường lối kinh tế, kinh tế biển, đường lối đối ngoại, xây dựng hệ thống chính trị, nền văn hóa mới, ...	PI1.3	R
CLO4	Phân tích được quá trình Đảng lãnh đạo thực hiện đường lối công nghiệp hóa, đường lối kinh tế, kinh tế biển, đường lối đối ngoại, xây dựng hệ thống chính trị, nền văn hóa mới,...	PI1.1 PI6.2 PI6.3	M,A R R
CLO5	Rèn luyện cho người học phong cách tư duy lý luận, khả năng nghiên cứu, học tập suốt đời, thuyết trình, giao tiếp, làm việc nhóm,...; chấp hành chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước và ý thức trách nhiệm của công dân trước xã hội.	PI8.2	R

5. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLOs) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs):

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Điền một trong các mức I, R, M hoặc chừa trống (nếu không có sự liên hệ) và điền A vào ô tương ứng

Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)				
	PLO1		PLO6		PLO8
	PI1.1	PI1.3	PI6.2	PI6.3	8.2
CLO 1	M, A				
CLO 2		R		R	
CLO 3		R			
CLO 4	M,A		R	R	
CLO 5					R

6. Đánh giá học phần

6.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá của học phần

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá bằng các thành phần: đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ, các hoạt động đánh giá khác.

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá	Tiêu chí Rubric	Trọng số bài đánh giá (%)	Trọng số thành phần (%)	CĐR học phần có liên quan
A1. Đánh giá quá trình	A1.1 Chuyên cần	P1.1. Quan sát	R1	W1.1 50	W1 20	CLO 1, 2, 3, 4, 5
	A1.2 Bài tập ngắn trên lớp, thuyết trình, làm việc nhóm và nhiệm vụ trên lớp	P1.2. Trình bày tại lớp	R2	W1.2 50		
A2. Đánh giá giữa kỳ	A2 Kiểm tra giữa kỳ	P2 Tự luận/Trắc nghiệm	R6	W2.1 100	W2 30	CLO 1, 2
A3. Đánh giá cuối kỳ	A3 Kiểm tra cuối kỳ	P3 Tự luận	R6	W3.1 100	W3 50	CLO 1, 2, 3, 4

6.2. Nhiệm vụ của sinh viên

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- Tham gia ít nhất 80% số tiết học của lớp học phần;
- Tham gia các hoạt động làm việc nhóm theo qui định của lớp học phần;
- Tự tìm hiểu các vấn đề do giảng viên giao để thực hiện ngoài giờ học trên lớp;

- Hoàn thành tất cả bài đánh giá của học phần.

7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

Tuần/Buổi (2tiết/buổi)	Nội dung chi tiết của Bài học/Chương	Số tiết (LT/TH /TN)	Hoạt động dạy và học		Bài đánh giá	CDR học phần liên quan
			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp học tập		
1	Chương mở đầu: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng nghiên cứu 2. Chức năng, nhiệm vụ 2.1. Chức năng 2.2. Nhiệm vụ 3. Phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập 3.1. Phương pháp nghiên cứu 3.2. Ý nghĩa học tập	2/0/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại.	Tự học, tự nghiên cứu: - Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo: Chương mở đầu trong giáo trình bắt đầu từ trang 01. - Nghe giảng. - Đối thoại;	A1.1 A1.2	CLO 1
2	Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 1.1 Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 02/1930) 1.1.1. Bối cảnh lịch sử 1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng	1/1/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan.	Tự học, tự nghiên cứu: - Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo: Chương 1 trong giáo trình bắt đầu từ trang 13. - Nghe giảng. - Đối thoại. - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.	A1.1 A1.2	CLO 1, 2
3	1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng	2/0/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực.	Tự học, tự nghiên cứu: - Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo:	A1.1 A1.2	CLO 1, 2

	sản Việt Nam 1.2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945) 1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1935 và khôi phục phong trào 1932-1935		- Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan	Chương 1 trong giáo trình bắt đầu từ trang 13 và 30. - Nghe giảng. - Đối thoại. - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.		
4	1.2.2. Phong trào Dân chủ 1936-1939 1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám 1945	1/1/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan	Tự học, tự nghiên cứu: - Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo: Chương 1 trong giáo trình bắt đầu từ trang 30. - Nghe giảng. - Đối thoại. - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.	A1.1 A1.2	CLO 1, 2
5	Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) 2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền Cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền Cách mạng 1945 – 1946	1/1/0	Kết hợp các phương pháp: - Thuyết trình tích cực. - Nêu và giải quyết vấn đề. - Đàm thoại. - Vấn đáp. - Thảo luận. - Trực quan.	Tự học, tự nghiên cứu: - Đọc giáo trình và tài liệu tham khảo: Chương 2 trong giáo trình bắt đầu từ trang 59. - Nghe giảng. - Đối thoại. - Thảo luận nhóm nhỏ. - Trực quan.	A1.1 A1.2	CLO 1, 2